

THÔNG BÁO

**Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thành phố
Thái Nguyên 9 tháng năm 2023**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Thái Nguyên công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thành phố Thái Nguyên 9 tháng năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

(Có các phụ biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thành phố Thái Nguyên 9 tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND TP;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc TP;
- UBND các phường, xã;
- Lưu: VT, TCKH (Binhtrv).



Lưu Thị Thúy Hương

UBND TP THÁI NGUYÊN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Biểu số 93/CK-NSNN

TÀI CHÍNH ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 439/TB-TCKH ngày 04 tháng 10 năm 2023 phòng Tài chính - Kế hoạch TPTN)

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh thực hiện so với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NSNN	3.030.430.000	2.050.595.388	67,67	88,29
I	Thu cân đối NSNN	2.654.100.000	1.066.441.080	40,18	69,17
1	Thu nội địa	2.647.600.000	836.163.135	31,58	63,58
-	Thu thuế, phí và thu khác	1.215.100.000	657.086.048	54,08	91,61
-	Thu tiền sử dụng đất	1.432.500.000	179.077.087	12,50	29,95
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		103.080.763		45,50
3	NS tỉnh cấp trả phí BVMT đối với khai thác KS	6.500.000	0	-	
4	Thu kết dư ngân sách		127.197.182		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	376.330.000	984.154.308	261,51	126,52
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	3.030.430.000	1.529.894.586	50,48	87,86
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	3.030.430.000	1.529.894.586	50,48	87,86
1	Chi đầu tư phát triển	1.441.017.000	717.857.588	49,82	71,17
2	Chi thường xuyên	1.191.641.000	778.141.460	65,30	108,68
3	Dự phòng ngân sách	50.835.000		-	
4	Nguồn tự đảm bảo CCTL	334.454.000		-	
5	Chi trả lãi vay, phí	12.483.000	33.895.538	271,53	204,44
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	-	-		

UBND TP THÁI NGUYÊN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Biểu số 94/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 39/TB-TCKH ngày 04 tháng 10 năm 2023 phòng Tài chính - Kế hoạch TPTN)

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2023	So sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NSNN	3.275.000.000	893.462.899	27,3	59,6
I	Thu nội địa	3.275.000.000	893.462.899	27,3	59,6
1	Thu từ DN nhà nước trung ương	5.000.000	2.370.457	47,4	99,8
2	Thu từ DN nhà nước địa phương	3.000.000	2.134.882	71,2	97,6
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	300.000	11.916	4,0	
4	Thu khu vực dịch vụ NQD	520.000.000	353.561.577	68,0	111,4
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		48		0,3
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.600.000	13.657.734	117,7	123,5
7	Lệ phí trước bạ	240.000.000	132.034.995	55,0	69,4
8	Thu tiền cho thuê đất	201.100.000	31.429.579	15,6	32,9
9	Thuế thu nhập cá nhân	200.000.000	90.223.888	45,1	63,2
10	Thu phí, lệ phí	25.000.000	21.170.942	84,7	113,6
11	Thu khác ngân sách	46.000.000	37.278.627	81,0	98,8
12	Phạt vi phạm giao thông	20.000.000	8.566.502	42,8	92,3
13	Thu cấp quyền khai thác Ksản	3.000.000	2.047.210	68,2	37,3
14	Thu tiền sử dụng đất	2.000.000.000	198.974.542	9,9	29,9
-	Thu tiền sử dụng đất TP	1.800.000.000	198.974.542	11,1	29,9
-	Ghi thu từ các dự án XD KDC	200.000.000		-	
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	3.030.430.000	2.050.595.388	67,7	80,4
1	Từ các khoản thu phân chia	2.194.900.000	572.399.970	26,1	106,5
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	452.700.000	263.763.165	58,3	26,2
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		103.080.763		45,5
4	NS tỉnh cấp trả phí BVMT đối với khai thác KS	6.500.000		-	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	376.330.000	984.154.308	261,5	126,5
6	Thu kết dư ngân sách		127.197.182		

UBND TP THÁI NGUYÊN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 39 /TB-TCKH ngày 04 tháng 10 năm 2023 phòng Tài chính - Kế hoạch TPTN)

Đơn vị: Nghìn đồng

TT		Kế hoạch thành phố giao đầu năm			Thực hiện 9 tháng năm 2023			So sánh (%)	
		Tổng	TP	Xã	Tổng	TP	Xã	Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	Chi trong cân đối (1+...+V)	3.030.430.000	2.776.033.394	254.396.606	1.529.894.586	1.389.684.911	140.209.675	50,48	87,86
I	Chi thường xuyên (1+...+9)	1.191.641.000	1.004.290.463	187.350.537	778.141.460	651.511.900	126.629.560	65,30	108,68
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	567.117.000	567.117.000		430.730.774	430.730.774	0	75,95	122,41
-	Sự nghiệp giáo dục	528.986.883	528.986.883		424.458.427	424.458.427		80,24	
-	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	5.628.871	5.628.871		5.393.459	5.393.459		95,82	
-	Hội khuyến học	212.000	212.000		134.725	134.725		63,55	
-	Trung tâm học tập cộng đồng	821.080	821.080		744.164	744.164		90,63	
-	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo khác	31.468.166	31.468.166		0			0,00	
2	Chi sự nghiệp y tế	3.248.767	1.188.991	2.059.776	1.211.681	1.211.681		37,30	257,19
3	Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể	262.001.653	100.933.915	161.067.738	169.272.460	69.863.999	99.408.461	64,61	99,82
4	Chi SN văn hóa, thông tin, thể thao	16.510.393	14.590.393	1.920.000	11.354.760	10.054.209	1.300.551	68,77	94,29
5	Chi đảm bảo xã hội	78.434.181	73.566.740	4.867.441	58.590.435	55.243.616	3.346.820	74,70	98,61
6	Chi an ninh - quốc phòng	29.046.082	15.400.000	13.646.082	38.018.839	15.458.842	22.559.998	130,89	110,24
-	Quốc phòng	11.200.000	11.200.000		12.918.833	12.918.833		115,35	
-	An ninh	4.200.000	4.200.000		2.540.008	2.540.008		60,48	
-	An ninh quốc phòng tại xã	13.646.082		13.646.082	22.559.998		22.559.998	165,32	
7	Chi sự nghiệp kinh tế	135.482.924	131.693.424	3.789.500	40.160.509	40.146.779	13.730	29,64	330,01
-	Sự nghiệp nông nghiệp	16.651.000	16.651.000		6.682.110	6.682.110		40,13	
-	Sự nghiệp chợ và khuyến công	3.000.000	3.000.000		1.479.405	1.479.405		49,31	
-	Sự nghiệp địa chính và QL đất đai	18.610.000	18.610.000		5.336.755	5.336.755		28,68	
-	Sự nghiệp đô thị	71.300.000	71.300.000		24.625.086	24.625.086		34,54	
-	Đội quản lý trật tự XD và GT	1.687.032	1.687.032		1.185.800	1.185.800		70,29	

TT	Chi tiêu	Kế hoạch thành phố giao đầu năm			Thực hiện 9 tháng năm 2023			So sánh (%)	
		Tổng	TP	Xã	Tổng	TP	Xã	Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
-	Ban quản lý dự án ĐT & XD	850.000	850.000		269.697	269.697		31,73	
-	Ban quản lý Dự án công ích đô thị	420.000	420.000		255.581	255.581		60,85	
-	Kinh phí thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án và một số nhiệm vụ chi khác	19.175.392	19.175.392		312.346	312.346		1,63	
-	Sự nghiệp kinh tế tại xã	3.789.500		3.789.500	13.730		13.730	0,36	
8	Chi sự nghiệp môi trường	94.800.000	94.800.000		28.072.000	28.072.000		29,61	38,61
9	Chi khác ngân sách	5.000.000	5.000.000		730.000	730.000		14,60	22,14
II	Dự phòng ngân sách	50.835.000	47.227.989	3.607.011					
III	Chi trả lãi vay, phí	12.483.000	12.483.000		33.895.538	33.895.538		271,53	204,44
IV	Chi đầu tư phát triển (1+...+7)	1.441.017.000	1.441.017.000		717.857.588	704.277.473	13.580.115	49,82	71,17
1	Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền SDP	1.420.017.000	1.420.017.000		216.361.149	216.361.149		15,24	21,45
-	Chi XD CB	1.172.968.000	1.172.968.000		186.207.306	186.207.306		15,87	
-	Chi đầu tư khác	47.049.000	47.049.000		30.153.843	30.153.843		64,09	
+	Kinh phí ủy thác qua ngân hàng chính sách	2.500.000	2.500.000		2.500.000	2.500.000		100,00	
+	Chi trả nợ gốc	44.549.000	44.549.000		27.653.843	27.653.843		62,08	
2	Chi XD CB từ thuế phí, thu khác và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan hành chính	6.000.000	6.000.000						
3	Ghi chi tiền thuê đất	15.000.000	15.000.000						
4	Chi tạm ứng XD CB từ năm 2022 chuyển sang				370.449.324	370.449.324			
5	Chi XD CB từ ngân sách tỉnh chuyển về				85.357.000	85.357.000			
6	Dự dự toán XD CB năm 2022 chuyển sang				32.110.000	32.110.000			
7	Chi XD CB từ nguồn khác				13.580.115		13.580.115		
V	Nguồn tự đảm bảo CCTL	334.454.000	271.014.942	63.439.058					



THUYẾT MINH

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước
thành phố Thái Nguyên 9 tháng năm 2023**

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết HĐND thành phố về nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2023

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025; Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Ngay sau khi có Nghị quyết HĐND thành phố, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 11999/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 thành phố Thái Nguyên.

2. Đánh giá kết quả thực hiện thu chi NSNN 9 tháng năm 2023

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Thường trực Thành ủy - Thường trực HĐND thành phố, sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của UBND thành phố đã triển khai nhiều biện pháp, giải pháp trong thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2023. Kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2023, cụ thể như sau:

2.1. Thu ngân sách nhà nước

- Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 của thành phố là: 3.275.000 triệu đồng, thu NSNN trên địa bàn 9 tháng đạt: 893.462,89 triệu đồng, bằng 27,3% kế hoạch tỉnh và thành phố, bằng 59,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó:

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương đạt: 2.370,46 triệu đồng, bằng 47,4% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt: 2.134,88 triệu đồng, bằng 71,2% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt: 11,9 triệu đồng, bằng 4% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh đạt: 353.561,57 triệu đồng, bằng 68% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt: 13.657,73 triệu đồng, bằng 117,7% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Lệ phí trước bạ đạt: 87.885,07 triệu đồng, bằng 36,6% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu tiền cho thuê đất đạt: 31.429,58 triệu đồng, bằng 15,6% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt: 90.223,89 triệu đồng, bằng 45,1% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu phí, lệ phí đạt: 21.170,94 triệu đồng, bằng 84,7% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu khác ngân sách đạt: 37.278,62 triệu đồng, bằng 81% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu phạt an toàn giao thông đạt: 8.566,5 triệu đồng bằng 42,8% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt: 2.047,2 triệu đồng, bằng 68,2% kế hoạch tỉnh và thành phố.

- Thu tiền sử dụng đất 9 tháng năm 2023 đạt: 198.974,54 triệu đồng, bằng 11,1% kế hoạch tỉnh và thành phố.

* Thực hiện thu NSNN theo tỷ lệ điều tiết 9 tháng năm 2023 đạt: 2.050.595,34 triệu đồng, bằng 67,67% kế hoạch tỉnh và thành phố, trong đó:

- Thu thuế, phí và thu khác đạt: 657.086,04 triệu đồng, bằng 54,08% kế hoạch tỉnh và thành phố.

- Thu tiền sử dụng đất đạt: 179.077,09 triệu đồng, bằng 12,5% kế hoạch tỉnh và thành phố.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 103.080,76 triệu đồng

- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 984.154,3 triệu đồng.

- Thu kết dư ngân sách: 127.197,18 triệu đồng.

Kết quả thu ngân sách 9 tháng năm 2023 đạt thấp so với dự toán đầu năm và so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân do tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu, hậu quả của dịch COVID-19 kéo dài dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhất là các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa; nhiều doanh nghiệp

phải tạm ngừng, thu hẹp sản xuất kinh doanh, số doanh nghiệp phá sản, giải thể tăng cao; nhu cầu mua đất của người dân còn thấp, thị trường bất động sản những tháng đầu năm trầm lắng. Bên cạnh đó, Chính phủ thực hiện các chính sách giảm, gia hạn thời gian nộp thuế (tiền thuê đất, thuế mặt nước; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân) đã ảnh hưởng tới kết quả thu ngân sách của thành phố, đặc biệt khoản thu thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ từ chuyển nhượng bất động sản, thu tiền cho thuê đất, thu tiền sử dụng đất.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2.2. Chi ngân sách nhà nước

Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của thành phố: 3.030.430 triệu đồng. Kết quả thực hiện chi NSNN 9 tháng đạt: 1.529.894,59 triệu đồng, bằng 50,48% kế hoạch tỉnh và thành phố, bằng 87,86% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó:

* Chi thường xuyên đạt: 778.141,46 triệu đồng, bằng 65,3% kế hoạch thành phố và bằng 122,41% so với cùng kỳ năm 2022, gồm:

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo đạt: 430.730,77 triệu đồng, bằng 75,95% kế hoạch thành phố.

- Chi sự nghiệp y tế đạt: 1.211,68 triệu đồng, bằng 37,3% kế hoạch thành phố.

- Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể đạt: 169.272,46 triệu đồng, bằng 64,61% kế hoạch thành phố.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao đạt: 11.354,76 triệu đồng, bằng 68,77% kế hoạch thành phố.

- Chi đảm bảo xã hội đạt: 58.590,44 triệu đồng, bằng 74,7% kế hoạch thành phố.

- Chi An ninh - Quốc phòng đạt: 38.018,84 triệu đồng, bằng 130,89% kế hoạch thành phố.

- Chi sự nghiệp kinh tế đạt: 40.160,51 triệu đồng, bằng 29,64% kế hoạch thành phố.

- Chi sự nghiệp môi trường đạt: 28.072,00 triệu đồng, bằng 29,61% kế hoạch thành phố.

- Chi khác ngân sách đạt: 730,00 triệu đồng, bằng 14,6% kế hoạch thành phố.

* Chi đầu tư phát triển đạt: 717.857,59 triệu đồng, bằng 49,82% kế hoạch thành phố và bằng 71,17% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó:

- Chi đầu tư XD CB từ thu tiền sử dụng đất đạt: 216.361,15 triệu đồng,

bằng 15,24% kế hoạch thành phố.

- Chi tạm ứng XD CB năm 2022 chuyển sang: 370.449,32 triệu đồng.
- Dự toán XD CB năm 2022 chuyển sang đạt: 25.684,00 triệu đồng.
- Chi XD CB từ ngân sách tỉnh chuyển về đạt: 85.357,00 triệu đồng.
- Chi đầu tư XD CB từ nguồn khác đạt: 13.580,12 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)